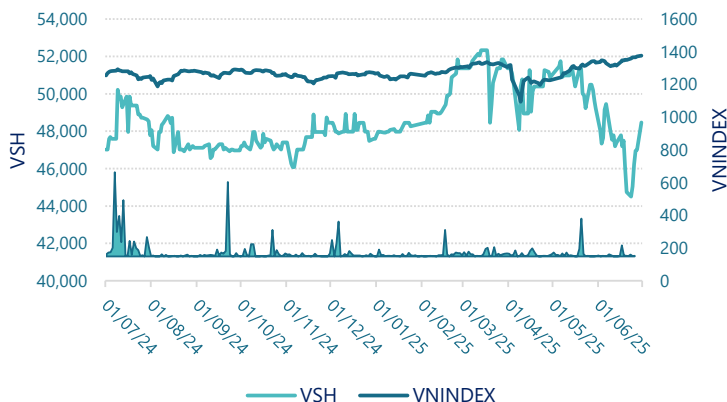




CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (HSX: VSH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	49,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	52,333
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,502
SL cổ phiếu LH	236,241,246
KLGD BQ 20 phiên (CP)	128,585
% sở hữu nước ngoài	11.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,694
P/E	14.4
EPS	3,447

DT thuần

Q2/25

502

tỷ VNĐ

QoQ: ▼123 | -19.7%

YoY: ▲ 89.0 | 21.4%

LN sau thuế

Q2/25

166

tỷ VNĐ

QoQ: ▼103 | -38.2%

YoY: ▲ 98.8 | 147%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

48.0%

+/- YoY: ▲ 9.1%

DT thuần

6T 2025

1,126

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 364 | 47.8%

LN sau thuế

6T 2025

435

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 366 | 531%

ROE

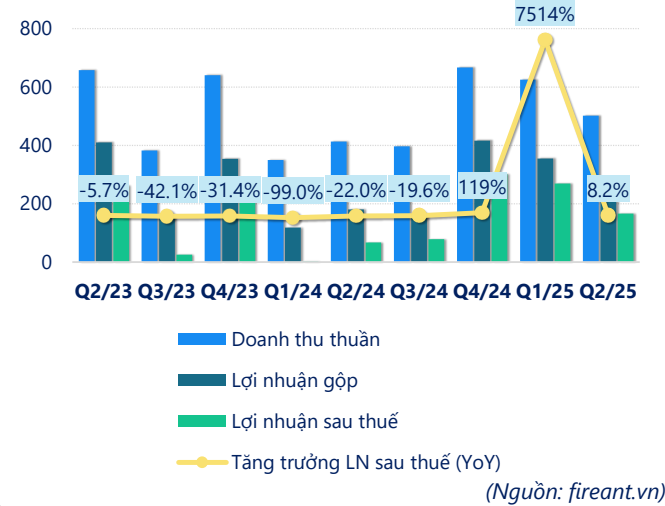
Q2/25

16.9%

+/- YoY: ▲ 10.2%

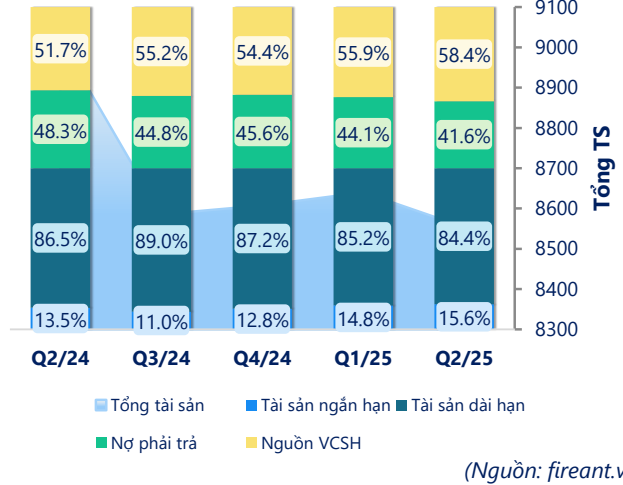
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

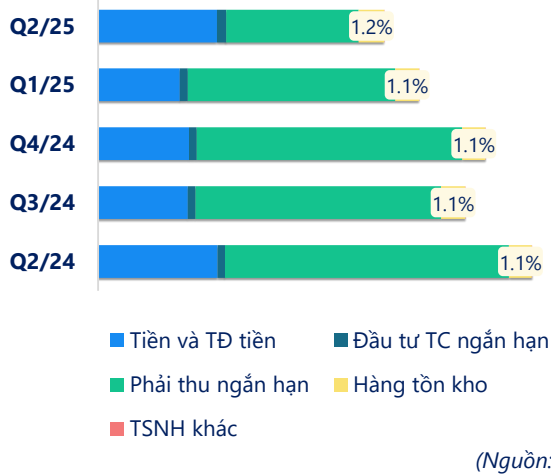


Cơ cấu Tổng tài sản

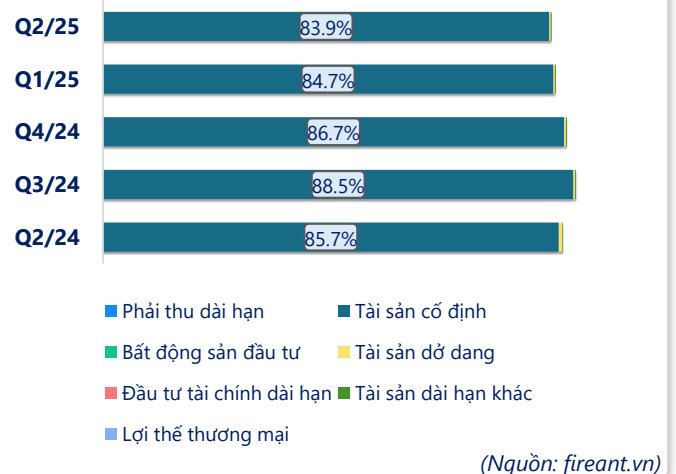
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

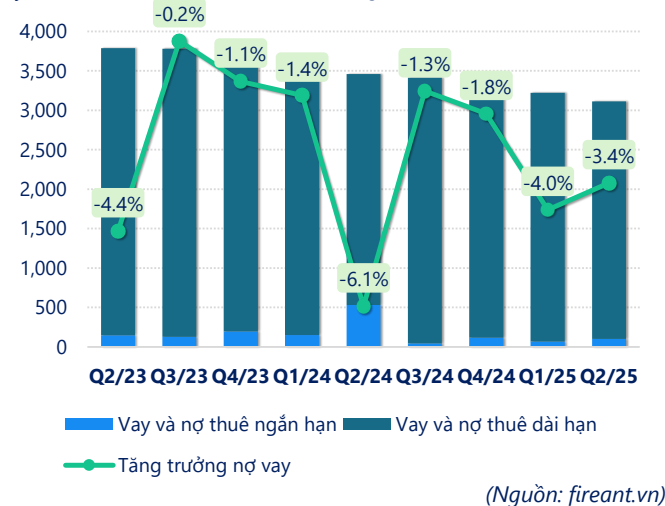


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



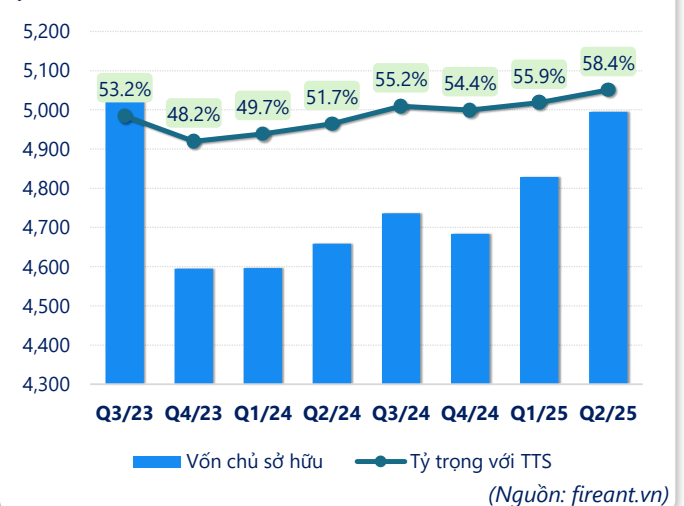
tỷ VNĐ

Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

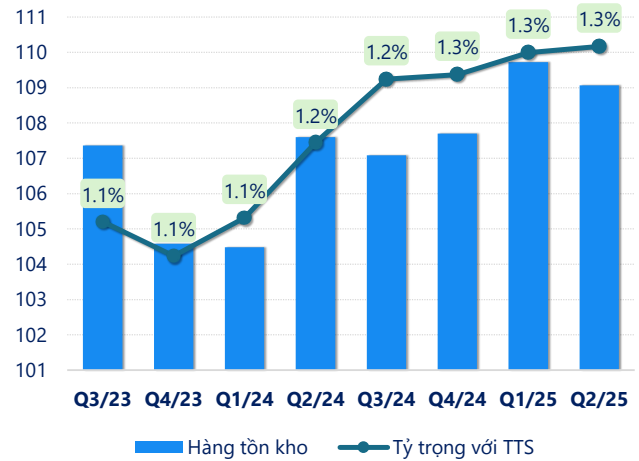


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

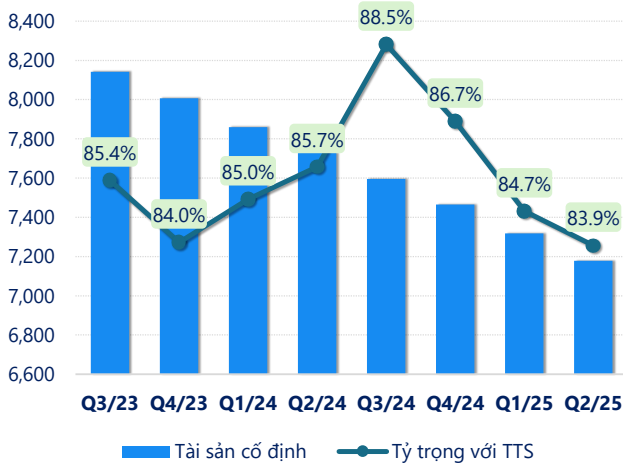

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


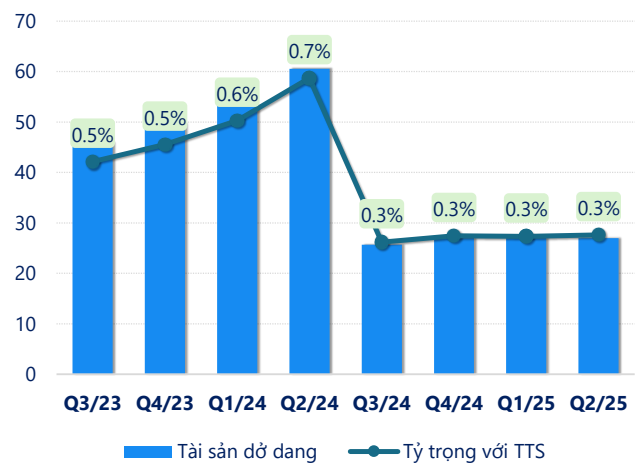
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

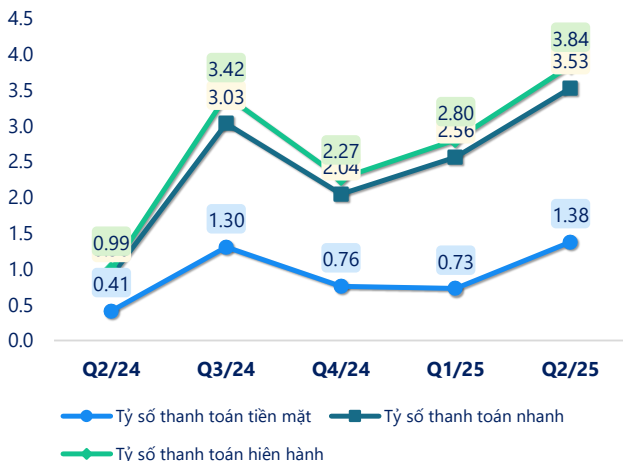
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

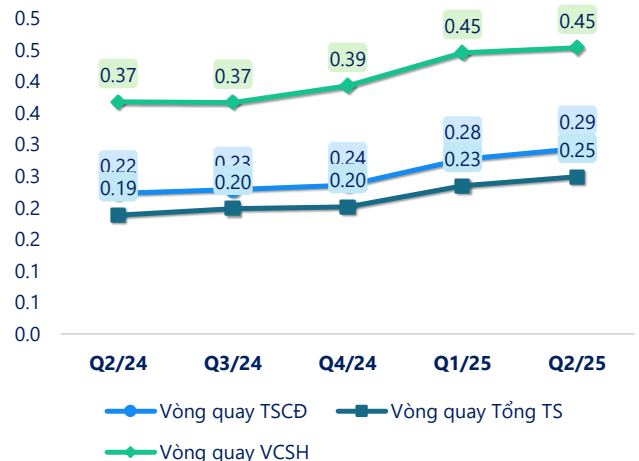
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	9,017	8,585	8,608	8,640	8,554
Tài sản ngắn hạn	1,215	948	1,100	1,281	1,335
Tiền và tương đương tiền	506	362	368	332	478
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.0	39.0	39.0	39.0	0
Phải thu ngắn hạn	562	440	585	800	748
Hàng tồn kho	108	107	108	110	109
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản dài hạn	7,802	7,638	7,508	7,359	7,219
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7,727	7,596	7,465	7,318	7,178
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	60.5	25.7	27.0	27.0	27.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.8	16.4	15.7	14.5	13.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	4,359	3,849	3,925	3,812	3,559
Nợ ngắn hạn	1,226	277	485	457	347
Vay và nợ thuê ngắn hạn	531	45.3	115	67.4	102
Phải trả người bán ngắn hạn	137	135	145	139	126
Nợ dài hạn	3,132	3,572	3,439	3,355	3,211
Vay và nợ thuê dài hạn	2,931	3,370	3,238	3,153	3,010
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,658	4,736	4,683	4,828	4,995
Vốn chủ sở hữu	4,658	4,736	4,683	4,828	4,995
Vốn điều lệ	2,362	2,362	2,362	2,362	2,362
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)